

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/TCDS-ST

Ngày 28 - 7 - 2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Chương
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-TCDS ngày 21/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-TCDS ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2021, Bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, bà có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 265.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là mỗi tháng bà H trả cho bà 2.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập

thành Hợp đồng dân sự. Quá trình vay bà H có trả cho bà V 5.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã đòi và yêu cầu bà H trả tiền nhiều lần nhưng bà H không có thiện chí.

Để đảm bảo quyền lợi cho mình, bà làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả toàn bộ tiền gốc 265.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay (25/9/2020) cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn, tại Biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà thừa nhận bà có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 265.000.000 đồng như bà V đã trình bày, lãi suất mỗi tháng bà trả cho bà V 2.000.000 đồng. Quá trình vay bà đã trả cho bà V 5.000.000 đồng tiền lãi vào năm 2021. Nay bà V khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc và lãi thì bà cũng đồng ý nhưng hiện tại do hoàn cảnh gia đình đang gặp phải khó khăn nên đề nghị bà V cho bà thêm thời gian để bà lấy lại tiền từ các nguồn thu khác.

Quá trình hòa giải, hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà V vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà V tổng số tiền là 309.197.000 đồng (trong đó tiền gốc là 265.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử (28/7/2022) là 44.197.000 đồng), được trừ số tiền lãi bà H đã trả cho bà V là 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà H phải trả cho bà V là 304.197.000 đồng

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trả nợ số tiền gốc và tiền lãi. Đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, bà H có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên toà vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, song xét thấy bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H

[2] Về nội dung của vụ án:

Xét thấy, Hợp đồng dân sự ngày 25/9/2020 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của bên cho vay là bà Nguyễn Thị V và bên vay là bà Nguyễn Thị Thu H, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Tại Hợp đồng dân sự, về việc vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 6 tháng, hết thời hạn vay bà V có quyền đòi lại khoản tiền mà bà H vay. Tuy nhiên, quá thời hạn trên bà V yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không trả cho bà V nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc bà H chậm trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V là có căn cứ cần được chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trả nợ số tiền 265.000.000 đồng cho bà V là có căn cứ và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, bà V trình bày khi vay hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà H trả cho bà 2.000.000 đồng tiền lãi. Tại Biên bản lấy lời khai bà H cũng thừa nhận như ý kiến của bà V. Tại phiên tòa hôm nay bà V yêu cầu bà H trả tiền lãi cho bà tính từ ngày vay tiền (25/9/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (28/7/2022)

theo như thỏa thuận giữa hai bên khi vay là 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, lãi suất mà bà V yêu cầu bà H phải trả không vượt quá 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận. Cụ thể bà H phải trả lãi cho bà V được tính như sau: 265.000.000 đồng x (2.000.000/tháng) x 1 năm 10 tháng 3 ngày = 44.197.000 đồng

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị V tổng số tiền 309.197.000 đồng (trong đó tiền gốc là 265.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử (28/7/2022) là 44.197.000 đồng), được trừ số tiền lãi bà H đã trả cho bà Vui là 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà H phải trả cho bà Vui là 304.197.000 đồng

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 15.209.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm linh chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

*“Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho người được thi hành.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi*

*hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Tưởng Thị Hà**